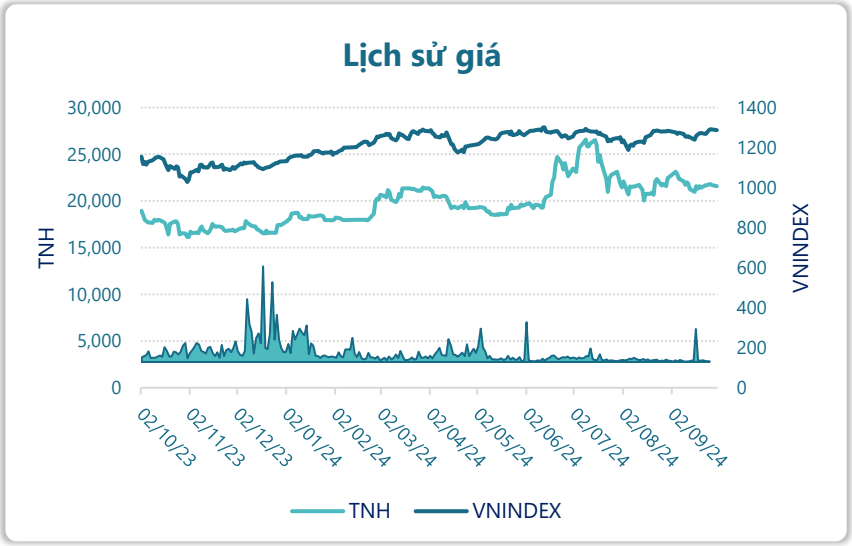
FireAnt

CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH (HSX: TNH)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**21,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,580
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,139
SL cổ phiếu LH	125,376,580
KLGD BQ 20 phiên (CP)	651,775
% sở hữu nước ngoài	47.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,708
P/E	27.9
EPS	774

DT thuần

Q3/24

110

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.0| -15.4%

YoY: ▼76.0| -40.9%

LN sau thuế

Q3/24

9.19

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.3| -76.1%

YoY: ▼39.6| -81.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

13.1%

+/- YoY: ▼ 17.8%

DT thuần

9T 2024

332

tỷ VNĐ

YoY: ▼84.0| -20.0%

LN sau thuế

9T 2024

62.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼48.4| -43.5%

ROE

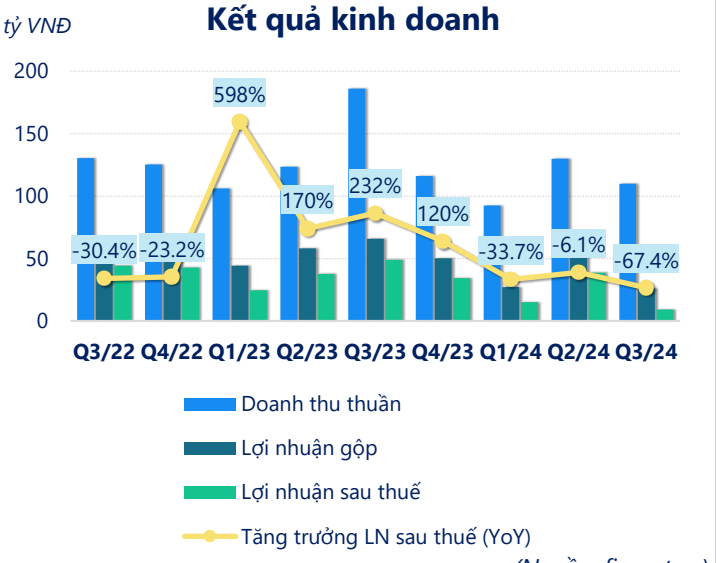
Q3/24

5.9%

+/- YoY: ▼ 6.6%

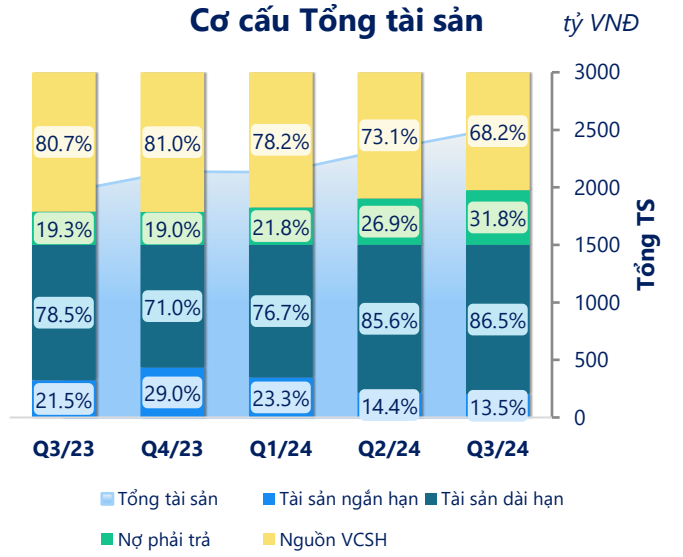
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



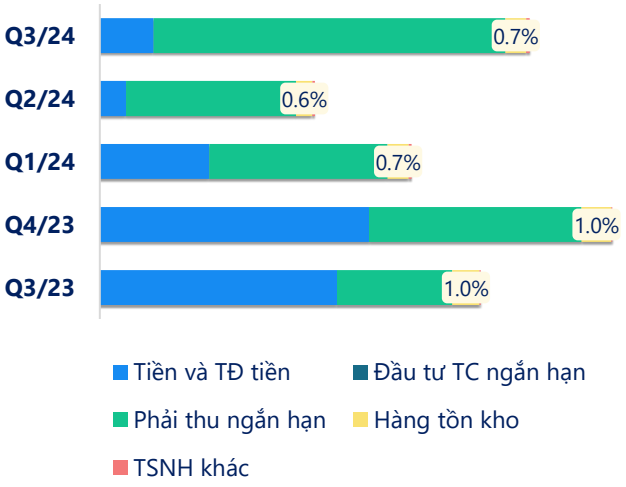
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



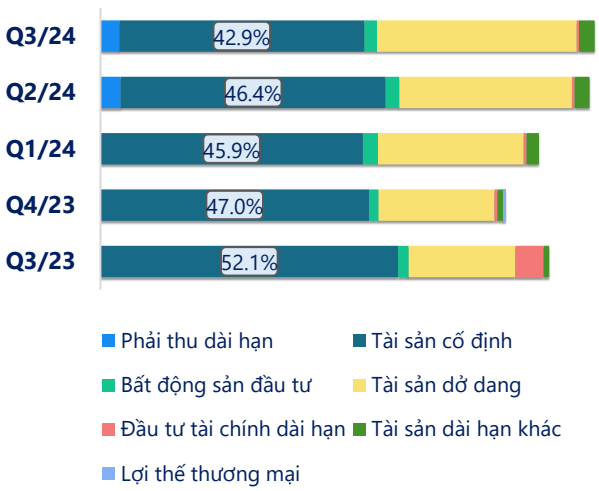
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



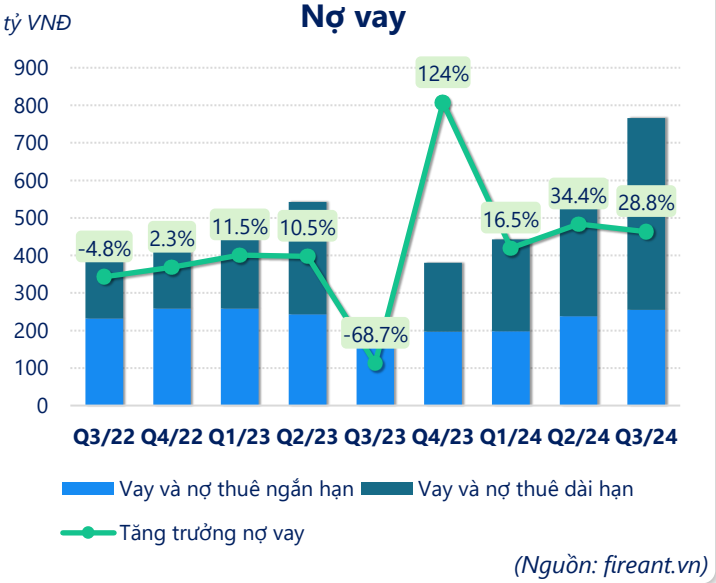
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



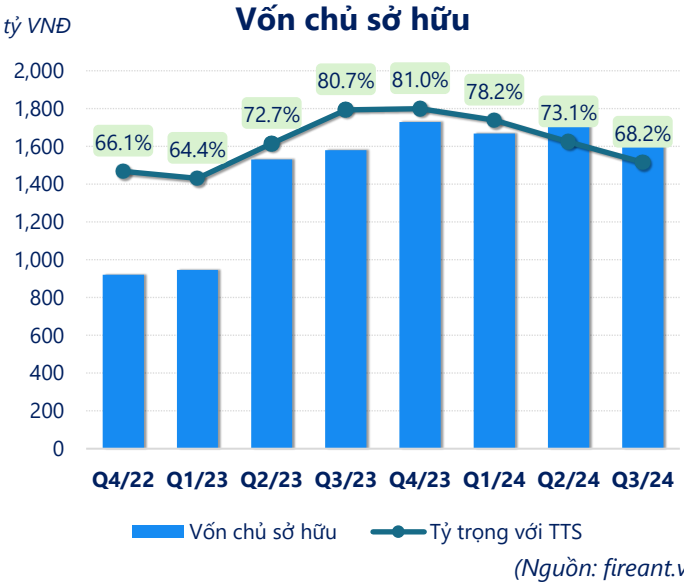
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



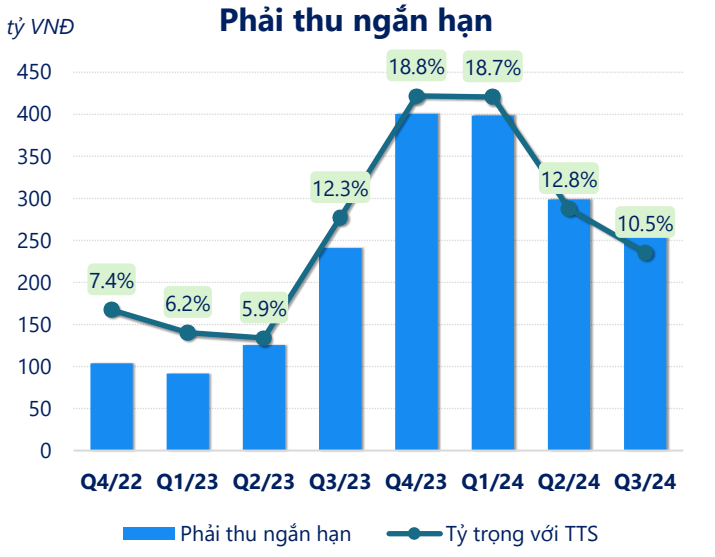
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



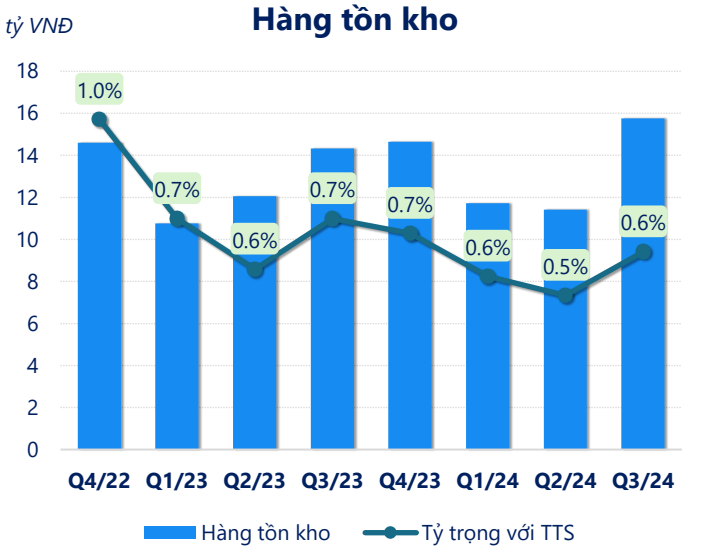
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



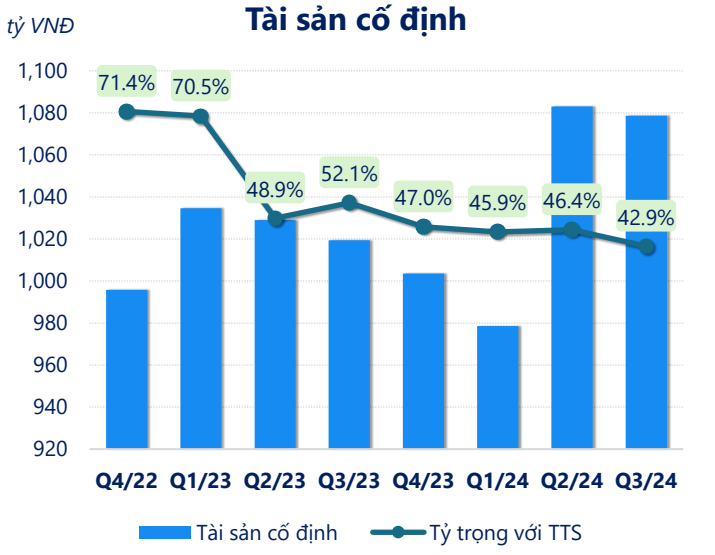
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



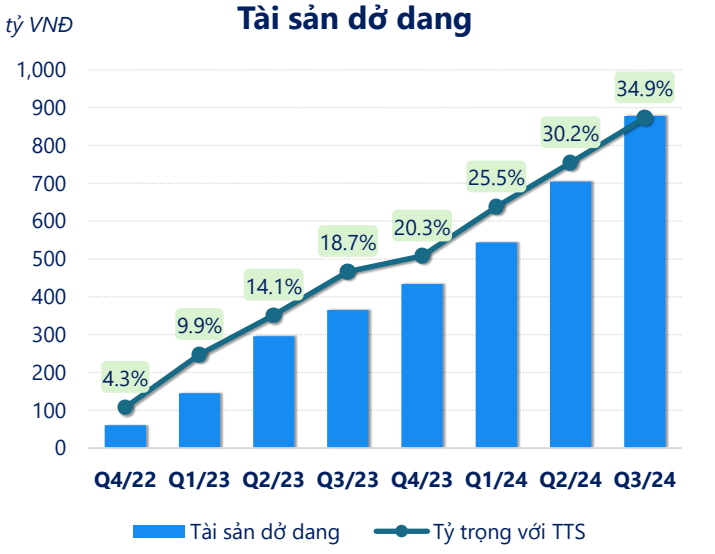
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



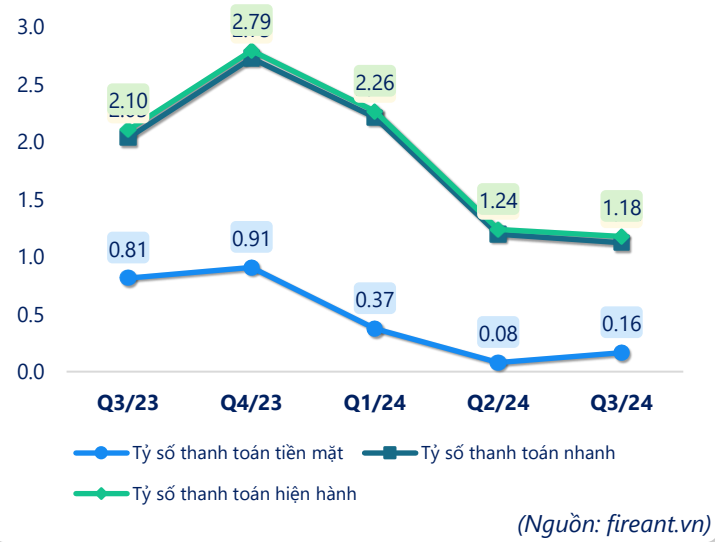
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



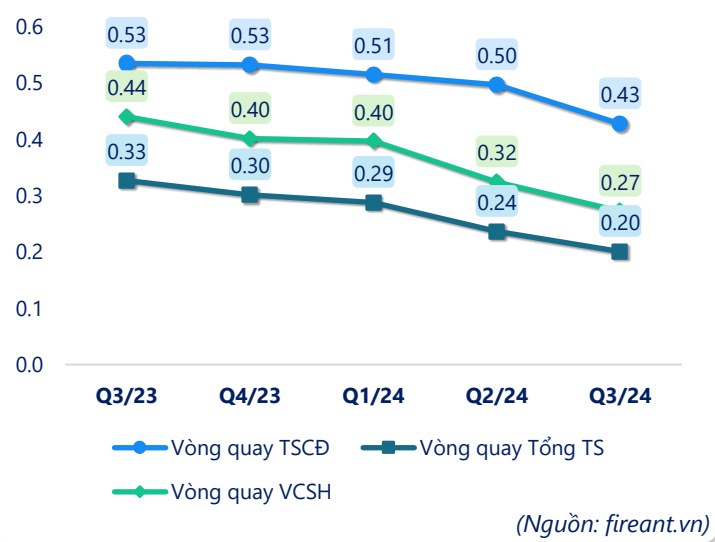
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**1,957**	**2,136**	**2,131**	**2,334**	**2,514**
Tài sản ngắn hạn	**420**	**620**	**496**	**336**	**339**
Tiền và tương đương tiền	162	201	81.7	21.5	47.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	241	401	399	299	263
Hàng tồn kho	14.3	14.6	11.7	11.4	15.8
Tài sản ngắn hạn khác	2.25	3.63	3.91	4.43	12.6
Tài sản dài hạn	**1,537**	**1,516**	**1,635**	**1,999**	**2,175**
Phải thu dài hạn	0	0	0	82.5	82.5
Tài sản cố định	1,019	1,004	979	1,083	1,079
Bất động sản đầu tư	36.3	36.0	56.8	56.3	56.1
Tài sản dở dang	365	434	543	705	878
Đầu tư tài chính dài hạn	96.0	10.0	10.0	10.0	10.0
Tài sản dài hạn khác	19.6	24.6	46.7	62.0	69.7
Lợi thế thương mại	0	7.86	0	0	0
Nợ phải trả	**378**	**407**	**464**	**629**	**799**
Nợ ngắn hạn	**200**	**222**	**219**	**272**	**288**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	170	197	198	238	255
Phải trả người bán ngắn hạn	14.0	12.7	10.1	18.6	18.2
Nợ dài hạn	178	185	245	357	511
Vay và nợ thuê dài hạn	0	183	245	357	511
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,579**	**1,729**	**1,667**	**1,705**	**1,715**
Vốn chủ sở hữu	**1,579**	**1,729**	**1,667**	**1,705**	**1,715**
Vốn điều lệ	959	959	1,102	1,102	1,102
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)